

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/06/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+AMD+HST	7:25	16+2+3	0+0+0		16+0+5	0+0+0	
2		RP1+RC3+RP2	7:25	1+0+18	0+0+0		0+2+16	0+0+0	chuyen 2 rc3- rp2
3		P2+P4+BK10	7:25	14+7+0	0+0+0		9+12+1	0+0+0	
4		SAVR	7:25	17	0		19	0	ec
5		P1+BK5+BK6	9:25	21+0+0	0+0+0		16+4+2	0+0+0	
6		TTCl+P6+P3	9:25	0+0+21	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1TTCl- P6
7		P4+P1	9:25	7+14	0+0		0+21	0+0	
8		TGTH1+AMD	9:25	3+15	0+0		4+15	0+0	ec
9		SAVR+RP2	11:25	11+5	0+0		11+8	0+0	ec
10		P7+P2	11:25	20+2	0+0		11+11	0+0	chuyen 4 P7- P2
11		P5+P4	11:25	12+9	0+0		12+10	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày P2-3ng, RP2-5ng, P4-6ng AVR-1ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/06/2025		TO: P4 - AMD - HST			AIRCRAFT: 406			ETD: 07:30		
FLIGHT: 01		FROM: VT			CREW: DUONG - SON - HIEU			ETA: 09:20		
XANH-1										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ DUY TOÀN	P4	10	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY THAI	P4	11	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẠO ĐỨC HÙNG	P4	21	1	5	1	15	57	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ANH THẮNG	P4	20	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THAI SƠN	P4	14-15	2	10			59	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM CONH DIỄN	P4						76	PSV	Vietnamese
7	PHẦN TRUNG CHÍNH	P4	13	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CẢNH TÂN	P4	19	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN DŨNG	P4	17	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HẢI KIẾN	P4				1	8	77	KHI	Vietnamese
11	TRẦN LÊ QUỐC BẢO	P4						70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN THẮNG	P4						61	NIPI	Vietnamese
13	VŨ HỒNG TÍN	P4	08	1	4			79	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	P4	12	1	6			63	NAM TIEN	Vietnamese
15	LƯU NGUYỄN QUỐC HUY	P4	16	1	8			98	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NHAN HẢI	P4	09	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐẠI NGHĨA	AMD	23	1	8	5	90	71	HLJOC	Vietnamese
18	NGUYỄN CAO TRI	AMD	24	1	4	1	8	86	THIEN PHU	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH HÙNG	HST	19	1	12			83	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NHÀ	HST	17	1	8	1	10	61	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ THANH TÙNG	HST	18	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	16	1.122	13	67	2	23	16		
2	AMD	2	157	2	12	6	98	1		
3	HST	3	209	3	25	1	10	5		
TOTAL		21	1.488	18	104	9	131	22		
WEIGHT KG			1.488		104		131			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/06/2025	TO: RP1 - RC3 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VIỆT - MTHAO - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ ĐÌNH ĐẠI	RP1	15-16	2	19			64	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN QUYẾT	RP2	49-50	2	20			87	QUYẾT TH	Vietnamese
3	HOANG ANH TU	RP2						82	D-HANH	Vietnamese
4	BUI NGOC QUANG	RP2	47-48	2	19			66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN MINH	RP2	29	1	5			81	KHI	Vietnamese
6	ĐẶNG THE ANH	RP2	46	1	3			68	NIPI	Vietnamese
7	KIREEV M.V.	RP2						84	NIPI	Russian
8	PHẠM HOANG ĐẠT	RP2	43-45	3	11			82	THIEN NAM	Vietnamese
9	BENHELLAL HO TIDJANI MOHAMED S	RP2	42	1	12			92	THIEN NAM	Algeria
10	LÊ ĐỨC TIẾN	RP2	41	1	13			69	THIEN NAM	Vietnamese
11	ĐOÀN HỮU TRUYỀN	RP2	39	1	7			59	THIEN NAM	Vietnamese
12	VŨ THANH SƠN	RP2	32-33	2	15			62	THIEN NAM	Vietnamese
13	TRẦN VĂN ĐẠI	RP2	30	1	10			71	THIEN NAM	Vietnamese
14	ĐÀO HỮU HAO	RP2	40	1	4			69	THIEN NAM	Vietnamese
15	NGUYỄN TẤT PHONG	RP2	37-38	2	14			74	THIEN NAM	Vietnamese
16	NGUYỄN NGHĨA TUƠNG	RP2				2	33	68	THIEN NAM	Vietnamese
17	VŨ VĂN CHUNG	RP2	34-35	2	17	4	65	62	THIEN NAM	Vietnamese
18	NGUYỄN THĂNG	RP2	31	1	11			64	THIEN NAM	Vietnamese
19	VŨ HAI TRIỀU	RP2	36	1	11			79	THIEN NAM	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	1	64	2	19	0	0	0		
2	RC3	0	0	0	0	0	0	2 + 2	CHUYEN 2 PAX RC3-RP2	
3	RP2	18	1.319	22	172	6	98	16		
TOTAL		19	1.383	24	191	6	98	18		
WEIGHT KG			1.383		191		98			

GRAND TOAL: 1.672 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/06/2025	TO: P2 - P4 - BK10	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐỨC - THÔNG - THÔNG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN QUANG THẮNG	P2				4	70	74	KH-THAC	Vietnamese
2	TATARINOV S	P2	03	1	3			80	ANTOAN	Russian
3	NGUYỄN THANH HOÀ	P2	01	1	3			94	NIPI	Vietnamese
4	PHAN VĂN THỊNH	P2	08	1	4			72	NIPI	Vietnamese
5	TRẦN VĂN NGŨ	P2	12	1	6			89	T-TIN	Vietnamese
6	TRANG CÔNG THIÊN	P2	09-10	2	20			62	T-TIN	Vietnamese
7	LÊ MINH THÀNH	P2	14	1	8	2	20	67	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG HIỆU	P2	02	1	4			62	PSV	Vietnamese
9	LÊ MẠNH HÙNG	P2	07	1	6			76	PSV	Vietnamese
10	ĐẶNG XUÂN ĐƯƠNG	P2	13	1	5			67	PSV	Vietnamese
11	BUI HỮU TRÍ	P2	05	1	5			57	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TRUNG	P2	04	1	5			75	PSV	Vietnamese
13	PHAN VĂN HỒNG	P2	06	1	6			69	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HOÀI	P2	11	1	7			57	PSV	Vietnamese
15	PHAN NGỌC TUẤN	P4	66	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI MINH TUẤN	P4	67	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG TUYẾN	P4						64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU HÀ	P4						78	KH-THAC	Vietnamese
19	DOAN VAN AI	P4	65	1	4			60	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	69	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐAM VĂN QUANG	P4	68	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	14	1.001	14	82	6	90	9		
2	P4	7	454	5	24	0	0	12		
3	BK10	0	0	0	0	3	40	1		
TOTAL		21	1.455	19	106	9	130	22		
WEIGHT KG			1.455		106		130			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/06/2025	TO: SAVR	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: MMINH - ĐTRUNG	ETA: 09:35
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ QUANG NGHIỆP	SAVR	27	1	19			75	DMC-MI	Vietnamese
2	TOLSTYKH ANDREI	SAVR	23-24	2	16			75	AMNGR	Russian
3	KOLPAK VLADIMIR	SAVR	32-33	2	14			102	AMNGR	Russian
4	ARKHIPOV ANDREI	SAVR	34-35	2	19			115	AMNGR	Russian
5	IAKANIN IAROSLAV	SAVR	21	1	6			80	AMNGR	Russian
6	SOROKACH VLADIMIR	SAVR	25-26	2	23			80	AMNGR	Russian
7	EREMEEV EVGENIY NIKOLAEVICH	SAVR	83	1	13			100	KHOAN	Russian
8	LÊ HẢI	SAVR	20	1	14			83	DVL	Vietnamese
9	HỒ QUANG HIỆP	SAVR	85	1	5			67	DK9	Vietnamese
10	TROIANOV DMITRII	SAVR	36	1	13			85	AMNGR	Russian
11	BOGOMOLOV EVGENII	SAVR	22	1	5			93	AMNGR	Russian
12	AREFEV ANDREI	SAVR	18-19	2	9			95	AMNGR	Russian
13	ROGOV VIACHESLAV	SAVR	82	1	8			75	AMNGR	Russian
14	LAZEBNYI EVGENII	SAVR	37	1	8			65	AMNGR	Russian
15	BASYROV IRSHAT	SAVR	28-29	2	8			90	AMNGR	Russian
16	RODNIKOV STANISLAV	SAVR	30-31	2	13			72	AMNGR	Russian
17	NGUYEN VAN SY	SAVR	84	1	7			54	AMNGR	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	17	1.406	24	200	0	0	19		
	TOTAL	17	1.406	24	200	0	0	19		
	WEIGHT KG		1.406		200		0			

GRAND TOTAL: 1.606 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/06/2025	TO: TGTH1 - AMD	AIRCRAFT: 619	ETD: 10:05
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: MTIẾN - XTRƯỜNG	ETA: 11:55
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LA NGOC HOAN	TGTH1	71	1	10			71	HLJOC	Vietnamese
2	NGO QUANG HUAN	TGTH1	69-70	2	9	1	20	66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU CUONG	TGTH1	67-68	2	12			71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUE	AMD	51-52	2	19	1	12	55	THIEN PHU	Vietnamese
5	PHUNG MINH HAI	AMD	31-32	2	10			72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THANH	AMD	48	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN CONG DUNG	AMD	47	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN QUANG	AMD	38	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO VAN SAU	AMD	45-46	2	13			65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ANH KHOA	AMD	39-40	2	15	1	20	66	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN MINH DUC	AMD	41-42	2	12			74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU NHAN	AMD	34	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
13	VU MANH HA	AMD	43-44	2	9			86	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH HUU TINH	AMD	33	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN TOAN	AMD	35	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
16	LE HONG THAI	AMD	37	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
17	VO NGOC CHINH	AMD	49	1	6			84	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI SY QUYEN	AMD	36	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TGTH1	3	208	5	31	1	20	4		
2	AMD	15	1.050	21	128	2	32	14		
TOTAL		18	1.258	26	159	3	52	18		
WEIGHT KG			1.258		159		52			

GRAND TOAL: 1.469 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/06/2025	TO: SAVR - RP2	AIRCRAFT: 619	ETD: 12:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: MTIÊN - XTRƯỜNG	ETA: 14:20
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HOÀI THANH	SAVR	52	1	7			72	AMNGR	Vietnamese
2	VŨ VĂN ĐÔNG	SAVR	51	1	8			64	AMNGR	Vietnamese
3	DOAN QUOC HUONG	SAVR	56-57	2	22			82	AMNGR	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN DUNG	SAVR	55	1	14			66	AMNGR	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG MẠO	SAVR	58-59	2	22			79	BAKER HU	Vietnamese
6	ĐOAN THANH HUY	SAVR	53-54	2	15			63	BAKER HU	Vietnamese
7	ZHIGALO ALEKSANDR	SAVR	46	1	9			97	AMNGR	Russian
8	PANKOV SERGEY	SAVR	45	1	9			85	AMNGR	Russian
9	NIKITIN SERGEI	SAVR	49	1	8			84	AMNGR	Russian
10	NIKULIN LEONID	SAVR	47-48	2	12			88	AMNGR	Russian
11	BREDIN IURII	SAVR	50	1	13			96	AMNGR	Russian
12	TRẦN VĂN GIÁP	RP2	21-22	2	16			79	THIEN NAM	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC TUÂN	RP2	16	1	8			74	THIEN NAM	Vietnamese
14	LÊ VĂN QUÂN	RP2	17-18	2	13			61	THIEN NAM	Vietnamese
15	PHAN HUY KHẢI	RP2	19-20	2	9			63	THIEN NAM	Vietnamese
16	ĐOÀN CHI TÀI	RP2	14-15	2	18			80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	11	876	15	139	0	0	11		
2	RP2	5	357	9	64	0	0	8		
TOTAL		16	1.233	24	203	0	0	19		
WEIGHT KG			1.233		203		0			

GRAND TOAL: 1.436 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/06/2025	TO: P7 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - HTRUNG -	ETA: 14:00
XANH-3		DTUNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN ĐỨC THUẬN	P7	29	1	7	2	15	83	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P7	36	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN LƯU	P7	83	1	6			69	YTE	Vietnamese
4	PHẠM HOANG HÙNG	P7	30-31	2	18			88	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH THANH TAM	P7	69	1	4			88	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	37	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN LỢI	P7	33	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN THIÊN	P7	45	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUANG THANH	P7	75-76	2	11			73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN LƯƠNG TÂM	P7	73-74	2	10			79	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LAM	P7	34-35	2	15			68	CODIEN	Vietnamese
12	ĐINH VĂN HOÀNG	P7	43-44	2	20			102	CODIEN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN TUYẾT	P7	38	1	14	1	12	79	DVL	Vietnamese
14	ĐOÀN MINH ĐẠT	P7	72	1	15			81	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN THIỆU BÌNH	P7	81-82	2	20			58	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN HAI ĐĂNG	P7	79-80	2	20			82	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P7	70-71	2	16			65	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TRUNG	P7	77-78	2	12			68	DVL	Vietnamese
19	HOÀNG VIỆT HÙNG	P7	32	1	3			75	PSV	Vietnamese
20	ĐÀU CÔNG SAU	P7	84	1	3			84	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TIÊN TEO	P2	55	1	5			55	PSV	Vietnamese
22	TRẦN MAU SƠN	P2	56	1	4			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P7	20	1.534	29	216	3	27	11		CHUYỂN 4 PAX P7-P2
2	P2	2	128	2	9	0	0	11		
TOTAL		22	1.662	31	225	3	27	22		
WEIGHT KG			1.662		225		27			

GRAND TOAL: 1.914 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/06/2025	TO: P5 - P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: PHÚ - ĐỨC - THÔNG	ETA: 14:10
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI VAN BAC	P5						75	KH-THAC	Vietnamese
2	LA VAN TOI	P5	60-61	2	16			95	YTE	Vietnamese
3	TRAN TRUNG HIEU	P5	70	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN QUANG PHUC	P5	67	1	2			48	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN HOANG	P5	66	1	19			86	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH DUNG	P5	59	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
7	DO HOANG TRONG	P5	68-69	2	12			82	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI SY CONG	P5	72	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ANH TUAN	P5	62	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG BA VINH	P5	63-64	2	10			66	KH-THAC	Vietnamese
11	DAO VAN THANG	P5	371	1	13			56	PSV	Vietnamese
12	LE XUAN TINH	P5	65	1	9			74	PSV	Vietnamese
13	LE QUY TOAN	P4	80	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN THUC	P4	70	1	9			70	KHI	Vietnamese
15	LE TRUONG HAU	P4	71	1	10	2	28	78	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC TAN	P4	83-84	2	11			63	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN NAM	P4	81	1	7			78	PSV	Vietnamese
18	DOAN VAN TUYEN	P4	85	1	7	1	20	78	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN DANG HAI AU	P4	86	1	5			82	PSV	Vietnamese
20	NGHIEM ANH VU	P4	79	1	5			68	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN TOAN	P4	82	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK		
		PAX	PAXW	BAG.		PAX	CARGO			
				PCS	W				PCS	W
1	P5	12	840	14	109	0	0	12		
2	P4	9	649	10	67	3	48	10		
TOTAL		21	1.489	24	176	3	48	22		
WEIGHT KG			1.489		176		48			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP